

Số: 765 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục 48 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí trong các lĩnh vực Phòng bệnh, Thiết bị y tế, Khám bệnh, chữa bệnh, Y dược cổ truyền, An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 39 /TTr-SYT ngày 10 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 48 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí trong các lĩnh vực Phòng bệnh, Thiết bị y tế, Khám bệnh, chữa bệnh, Y dược cổ truyền, An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành

chính công cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, PVHCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH, THIẾT BỊ Y TẾ, KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH, Y DƯỢC CỔ TRUYỀN, AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 765 /QĐ-UBND ngày 17 / 7 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
I	Lĩnh vực Phòng bệnh			
1	1.002564.H21	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 300.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
2	1.002467.H21	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 150.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
3	1.002944.H21	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 150.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 05/12/2024

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
4	1.004062.H21	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 150.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
5	1.004070.H21	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 150.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 05/12/2024
6	1.013878.H21	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 4.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
7	1.013884.H21	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 4.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
8	1.013893.H21	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 4.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
9	1.013865.H21	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 4.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
10	1.013866.H21	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới: 5.500.000 đồng + Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 1.750.000 đồng + Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới (nộp khi bổ sung Phiếu trả lời kết quả khảo nghiệm và kết quả kiểm nghiệm thành phần hoạt chất): 5.500.000 đồng/hồ sơ. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			(Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
11	1.013874.H21	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 2.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
12	1.013887.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
13	1.013891.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 2.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
14	1.013895.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 1.750.000 đồng/hồ sơ + Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 1.250.000 đồng/hồ sơ	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			- Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
15	1.013867.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng/hồ sơ - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
16	1.013868.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 1.750.000 đồng/hồ sơ. + Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 1.250.000 đồng/hồ sơ - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
17	1.013870.H21	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
18	1.013875.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
19	1.013880.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
20	1.013881.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
21	1.013883.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
		với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
22	1.013886.H21	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
23	1.013889.H21	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.000.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
II	Lĩnh vực Thiết bị y tế			
24	3.000448.H21	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí thẩm định hồ sơ xuất khẩu thiết bị y tế: 500.000 đồng/1 hồ sơ - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
25	1.003006.000.00.00.H21	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
26	1.003029.000.00.00.H21	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026: + Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A: 500.000 đồng + Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại B: 1.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
27	1.003039.000.00.00.H21	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 21/4/2025
III	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh			

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
28	1.012280.H21	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	* Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: I. Trường hợp 1: 750.000 đồng/hồ sơ II. Trường hợp 2: a) Thay đổi quy mô hoạt động: - Bệnh viện: 5.250.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 1.550.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 đồng/hồ sơ. b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật - Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 1.550.000 đồng/hồ sơ.	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 đồng/hồ sơ. c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí. * Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ) <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)</i>	
29	1.012278.H21	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	* Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: - Bệnh viện: 5.250.000 đồng - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000 đồng - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 1.550.000 đồng. - Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm	Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 05/5/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000 đồng - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 đồng * Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
30	1.012289.H21	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 215.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ) <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề đối với cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh)</i>	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
31	1.012279.H21	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ) <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp</i>	Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 05/5/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			<i>sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)</i>	
32	1.012290.H21	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Trường hợp (1) hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (2): Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (12) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Trường hợp (15) người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng; Trường hợp (16): Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài; Trường hợp (17): Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng: 75.000 đồng + Các trường hợp còn lại: 215.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
33	1.012292.H21	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 215.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
		sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		
34	1.012272.H21	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Trường hợp (1) giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trường hợp (8) giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 75.000 đồng + Các trường hợp còn lại: 215.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 09/10/2024
35	1.012271.H21	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 215.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ) <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền)</i>	Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 09/10/2024

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			<i>cấp giấy phép hành nghề đối với cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh)</i>	
IV	Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền			
36	1.012416.H21	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 16/9/2024
37	1.012415.H21	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
38	1.012418.H21	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 16/9/2024
V	Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
39	1.013838.H21	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 500.000 đồng/1 sản phẩm	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
		xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	- Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
40	1.013851.H21	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 550.000 đồng/lần/sản phẩm - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
41	1.013855.H21	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 250.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 1.250.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 350.000 đồng/lần/cơ sở	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			+ Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 500.000 đồng/lần/cơ sở - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
42	1.013862.H21	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/1 sản phẩm - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
43	1.013858.H21	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/1 sản phẩm - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
44	1.013857.H21	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 14.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
			tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	
45	1.013854.H21	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 10.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
46	1.013850.H21	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 14.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
47	1.013844.H21	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 14.250.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của chủ tịch UBND tỉnh
		17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025		
48	1.013829.H21	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 500.000 đồng - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
Tổng cộng: 48 TTHC				